TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:29/2025/ST-HNGĐ
Ngày 20/8/2025.
"V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - TỈNH NGHỆ AN
Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lữ Thị Dung.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Doãn Xuân, Bà Võ Thị Hồng Long.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lê - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Hoan - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 về việc "*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXX-ST, ngày 07 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Chị Kha Thị N - sinh năm 1990** – có đơn xin vắng mặt.
- **Bị đơn: Anh La Văn T - sinh năm 1992 -** vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Bản T, xã M, tỉnh Nghệ An.

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:** Ông Phạm Thế K - Trợ giúp viên thuộc trung tâm T2. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Kha Thị N trình bày:

- Về tình cảm: Chị Kha Thị N và anh La Văn T kết hôn vào ngày 05/12/2014, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C (cũ) nay là xã M, tỉnh Nghệ An, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, không tin tưởng nhau, ghen tuông vô cớ, anh T không quan tâm đến vợ con, không chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống gia

đình, mặc dù hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm, gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên chị Kha Thị N làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh La Văn T.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 người con chung là La Thị Thu H – sinh ngày 19/11/2014; La Thị N1 – sinh ngày 08/11/2016; La Hoàng K1 – sinh ngày 19/5/2019. Hiện tại cả 03 người con đang sinh sống cùng chị N , nếu ly hôn chị N có nguyện vọng trực tiếp nuôi 03 người con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Kha Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng chị N không nợ tổ chức, cá nhân nào và cũng không ai nợ vợ chồng chị.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm anh La Văn T đều vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập nhiều lần nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 204; 207; 208 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Về tình cảm: Chị Kha Thị N và anh La Văn T đăng ký kết hôn ngày 05/12/2014 tại UBND xã T, huyện C (cũ) nay là UBND xã M, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện về kết hôn. Tuy nhiên trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xẩy ra mâu thuẫn và sống ly thân đã lâu không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện cho chị Kha Thị N được ly hôn với anh La Văn T; Về con chung: Vợ chồng chị N có 03 người con chung là La Thị Thu H – sinh ngày 19/11/2014; La Thị N1 – sinh ngày 08/11/2016; La Hoàng K1 – sinh ngày 19/5/2019. Hiện tại cả 03 người con đang sinh sống cùng chị N, nếu ly hôn chị N có nguyện vọng trực tiếp nuôi 03 người con chung và các cháu La Thị Thu H, La Thị N1 đều có nguyện vọng được sinh sống cùng với mẹ, cháu La Hoàng K1 đang còn nhỏ, để đảm bảo quyền lợi của con đề nghị HĐXX xem xét giao 03 con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung của vợ chồng chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Kha Thị N; Về con chung: Giao 03 người con chung là La Thị Thu H – sinh ngày 19/11/2014; La Thị N1 – sinh ngày 08/11/2016; La Hoàng K1 – sinh ngày 19/5/2019 cho chị Kha Thị N trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung của vợ chồng chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí chị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, bị đơn hiện cư trú tại bản T, xã T, huyện C (cũ), nay là bản T, xã M, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Nghệ An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Qua xác minh tình trạng hôn nhân của chị Kha Thị N và anh La văn T tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C (cũ), nay là Ủy ban nhân dân xã M, Tỉnh Nghệ An cho biết, sau khi kết hôn vợ chồng chị N sinh sống tại bản T, xã T, huyện C (cũ) nay là Xã M, tỉnh Nghệ An được một thời gian ngắn rồi cùng nhau đi làm ăn ngoài địa phương. Hiện tại anh T không có mặt ở địa phương đi đâu, làm gì, địa chỉ cụ thể thì chính quyền, địa phương không biết. Trước khi đi anh T không khai báo làm thủ tục cắt thường trú. Tại biên bản lấy lời khai bà La Thị N2, sinh năm 1963 - Trú tại bản T, xã M, tỉnh Nghệ An là mẹ đẻ của anh La Văn T cho biết, sau khi chị N và anh T kết hôn thì sinh sống tại gia đình bà một thời gian rồi ra ở riêng, vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng vài năm trở lại đây thì vợ chồng chị N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng đi làm ăn do ghen thuông, không tin tưởng nhau, hiện tại chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, còn anh T cũng đi làm ăn thỉnh thoảng có gọi điện về thăm bà, còn địa chỉ cụ thể của anh T thì bà không biết. Bà N2 mặc dù đã được nghe đọc lại biên bản lấy lời khai, xác nhận lời khai của bà là đúng sự thật nhưng không ký vào biên bản, cũng không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án đến tống đạt cho anh T nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại nơi anh T cư trú và tại trụ sở UBND xã T, huyện C (cũ) nay là xã M, tỉnh Nghệ An theo đúng quy định pháp luật.

Như vậy, bị đơn anh La Văn T vắng mặt nơi cư trú mà không rõ thời điểm trở về và cũng không xác định được nơi cư trú mới. Theo quy định tại Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự thì được coi là cố tình che giấu địa chỉ nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tụng chung là phù hợp với hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh La Văn T đã được Tòa án niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập để trình bày ý kiến; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, chị Kha Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do có công việc đột xuất, nên Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị Kha Thị N và anh La Văn T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh La Văn T không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp và Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét thấy chị Kha Thị N và anh La Văn T đăng ký kết hôn vào ngày 15/12/2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C (cũ) , nay là Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Nghệ An, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm quy định về điều kiện và thủ tục kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Kha Thị N và anh La Văn T là hợp pháp.Tuy nhiên trong quá trình chung sống vợ chồng chị N và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn và sống ly thân với nhau từ năm 2021 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, như vậy chị N và anh T đã vi phạm tình nghĩa vợ chồng.

Tại phiên tòa anh La Văn T vắng mặt không có ý kiến trình bày nhưng qua xác minh tại địa phương và gia đình cho biết: Quá trình kết hôn và chung sống vợ chồng chị N và anh T có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, hiện tại anh T không có mặt ở địa phương đi đâu chính quyền, địa phương không biết. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Kha Thị N và anh La Văn T không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn cho chị Kha Thị N được ly hôn với anh Kha Văn T1.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị N 03 người con chung là La Thị Thu H – sinh ngày 19/11/2014; La Thị N1 – sinh ngày 08/11/2016; La

Hoàng K1 – sinh ngày 19/5/2019, nếu ly hôn chị N có nguyện vọng trực tiếp nuôi cả 03 người con chung và không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Do hiện nay anh T1 không có mặt ở địa phương, việc giao con cho anh T1 nuôi dưỡng là không đảm bảo điều kiện về mọi mặt của con. Xét thấy, hiện tại cả 03 người con đang sinh sống cùng chị N, nguyện vọng của chị N là chính đáng, các cháu La Thị Thu H, La Thị N1 đều có nguyện vọng được sinh sống cùng với mẹ, cháu La Hoàng K1 đang còn nhỏ, để đảm bảo quyền lợi của con nên xét giao 03 người con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi tròn 18 tuổi, trưởng thành.Về cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Chị Kha Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên căn cứ vào khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Kha Thị N phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Kha Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Kha Thị N được ly hôn với anh La Văn T, chị Kha Thị N và anh La Văn T chấm dứt quan hệ hôn nhân kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao 03 người con chung La Thị Thu H – sinh ngày 19/11/2014; La Thị N1 – sinh ngày 08/11/2016; La Hoàng K1 – sinh ngày 19/5/2019 cho chị Kha Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi tròn 18 tuổi, trưởng thành. Anh La Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con. Chị Kha Thị N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Kha Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An, nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền số 0000851 ngày 25/4/2025.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh NA;
- *VKSND Khu vực 9 – Nghệ An;*
- *Cơ quan THADS tỉnh Nghệ An;*
- *Nguyên đơn, bị đơn;*
- *UBND xã Mậu Thạch;*
- *Lưu hồ sơ -VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lữ Thị Dung